TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **56**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 11 - 2019.
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Xuân Thủy;

2. Ông Mai Thế Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019; Thông báo mở lại phiên tòa số: 29/2019/TB-TA ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:H

Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị Thanh H**, sinh năm 1989, có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh **Trịnh Xuân T**, sinh năm 1991, vắng mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Cùng ở xóm 2, thôn 5, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 24/5/2019, bản tự khai, tài liệu,chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của chị Đoàn Thị Thanh H tại phiên tòa hôm nay, thì:

- *Về hôn nhân*: Chị và anh Trịnh Xuân T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 96/10, quyển số II/2012 ngày 08/10/2012 của Uỷ ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Quá trình chung sống, thì thời gian đầu vợ chồng chị chung sống bình thường với nhau tại nhà cha mẹ anh T được 04 năm sau đó ra ở riêng.

Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh T xuất phát từ khi anh T công khai chung sống với người phụ nữ khác bên ngoài, rồi vô cớ đánh đập chị. Chị và hai bên cha mẹ thường xuyên khuyên bảo anh T để bảo vệ hạnh phúc gia đình và ổn định làm ăn nuôi và dạy hai con, nhưng anh T không chịu nghe lời mà bỏ mặt vợ con làm gì thì làm, anh không biết tới nữa. Ngoài nguyên nhân mâu thuẫn trên, thì giữa chị và anh T không còn nguyên nhân mâu thuẫn nào khác.

Hiện tại chị, anh T đã sống ly thân với nhau khoảng được 01 năm và hai người không còn hỏi han, quan tâm, chăm sóc, yêu thương lẫn nhau nữa.

Hôm nay, chị yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được quyền ly hôn anh Trịnh Xuân T.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, chị với anh T có 02 con chung tên là Trịnh Đoàn Gia B, sinh ngày 26/9/2013 và Trịnh Đoàn Gia H, sinh ngày 01/10/2016, hiện các con đang ở với chị. Chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng các con và không yêu cầu anh Trịnh Xuân T cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ chị H cung cấp kèm theo đơn khởi kiện gồm:

- 01 Chứng minh nhân dân *(bản photo);*

- 02 Sổ hộ khẩu *(bản sao);*

- 01 Giấy chứng nhận kết hôn *(bản chính);*

- 02 giấy khai sinh *(bản sao);*

- 01 giấy sang đất vườn *(bản photo).*

Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, xác minh nơi cư trú và gia đình của anh Trịnh Xuân T, cụ thể như sau:

Ngày 20/6/2019, Tòa án tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ cho anh Trịnh Xuân T tại địa chỉ xóm 2, thôn 5, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận, gồm: 01 Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập đương sự để Tòa án tiến hành làm việc đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Thanh H.

Ngày 10/7/2019, Tòa án tiến hành niêm yết công khai Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại nhà anh T để

thông báo về việc Tòa án sẽ tiến hành tiếp tục làm việc đối với anh T và tiến hành hòa giải cho các bên đương sự.

Đồng thời, ngày 10/7/2019, Tòa án nhân dân huyện T tiến hành xác minh hộ khẩu thường trú của anh Trịnh Xuân T và xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh T với chị H, thì được biết anh T vẫn còn Hộ khẩu thường trú tại địa phương. Tuy nhiên, hiện nay anh T không có mặt tại địa phương và đang đi làm ăn ở thành phố Hồ Chí Minh.

Tại biên bản xác minh ngày 10/7/2019, đối với bà Nguyễn Thị T1 (*mẹ đẻ anh Trịnh Xuân T*) cung cấp *"Tôi có liên hệ với anh T về vấn đề hôn nhân giữa chị H và anh T nhưng anh T chống đối không về làm việc với Tòa án."*

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ cho anh T, thông qua niêm yết và gửi trực tiếp cho mẹ đẻ anh T, nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt và tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn vắng mặt lần 02 không có lý do.

Do đó, Tòa án nhân dân huyện T không tiến hành hòa giải để vợ chồng anh, chị về đoàn tụ.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đoàn Thị Thanh H đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Trịnh Xuân T không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật dân sự tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 203, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết về án phí, lệ phí của Tòa án, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị Thanh H. Chị Đoàn Thị Thanh H được ly hôn với anh Trịnh Xuân T.

Về con chung: Giao cho chị Đoàn Thị Thanh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai người con tên là Trịnh Đoàn Gia Bảo, sinh ngày 26/9/2013 và Trịnh Đoàn Gia Hưng, sinh ngày 01/10/2016 cho đến khi thành niên.

Anh Trịnh Xuân T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét trong vụ án này là phù hợp quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Đoàn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Xét yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Đoàn Thị Thanh H, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho anh Trịnh Xuân T đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị Thanh H đối với anh Trịnh Xuân T. Hội đồng xét xử thấy rằng; chị H và anh T sau khi kết hôn thì sinh sống tại nhà cha mẹ chồng thuộc thôn 5, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận được một thời gian, thì anh chị xây dựng nhà ra ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau có hạnh phúc, anh T vẫn thường xuyên đi làm ăn xa tại thành phố Hồ Chí Minh, nhưng vài tháng lại về thăm vợ, con.

Khoảng 02 năm trở lại đây, thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do anh T công khai có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, đánh đập chị H vô cớ mặc dù chị H không có lỗi lầm.

Theo lời trình bày của chị H, thì trong thời gian chị và anh T sống ly thân với nhau, anh T gửi tiền về cho chị để mua sữa cho các con và gọi điện hỏi thăm con cái, anh T không còn quan tâm, hỏi han gì với chị. Thời gian chị và anh T sống ly thân kéo dài đến hôm nay là hơn 01 năm nên tình cảm vợ chồng không còn. Nếu tiếp tục kéo dài sẽ gây bất lợi cho chị và các con sau này.

Theo kết quả xác minh tại địa phương vào các ngày 10/7/2019, 11/9/2019 cho thấy: *Quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận, anh T có mối quan hệ khác bên ngoài dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn thường xuyên.*

Theo thông tin do bà Nguyễn Thị T1 là mẹ ruột anh T cung cấp vào ngày 10/7/2019, thì: "*Chị H và anh T chung sống với nhau không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng thời gian gần đây vợ chồng có mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân là do anh T có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Hiện chị H đang làm ăn ở nhà, còn anh T đang làm ăn trong Sài Gòn. Mới cách đây hơn 01 tháng, anh T còn về thăm nhà và lấy tiền từ chị H để buôn bán trong Sài Gòn. Ngoài nguyên nhân trên thì chị H và anh T không còn nguyên nhân nào khác.*"

Theo như bà Nguyễn Thị T1 là mẹ đẻ anh T cung cấp, thì anh T biết việc chị H khởi kiện ra Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, nhưng anh T mặt nhiên cho rằng việc làm của chị H là bình thường.

Điều này, thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H nữa. Mặc dù anh có về nhà, có biết sự việc nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị H.

Qua xác minh trình trạng hôn nhân giữa chị H với anh T tại địa phương và việc cung cấp thông tin của mẹ đẻ anh T.

Hội đồng xét xử thấy; có căn cứ chứng minh trình trang xin ly hôn của chị H xuất phát từ việc tình cảm giữa chị H với anh T không còn do nhiều nguyên nhân, nhưng khi chị H và anh T không còn tự nguyện chung sống, gắn bó, yêu thương nhau và có nhu cầu chấm dứt khởi cuộc hôn nhân này.

Nghĩ nên; chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị Thanh H đối với anh Trịnh Xuân T là phù hợp, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung:

Chị Đoàn Thị Thanh H có yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng hết hai con tên là Trịnh Đoàn Gia B, sinh ngày 26/9/2013 và Trịnh Đoàn Gia H, sinh ngày 01/10/2016 cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy; quá trình giải quyết vụ án mặc dù không có lời khai của anh T để trình bày ý kiến về vấn đề con chung đối với yêu cầu của chị H, nhưng theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy; thực tế hai con đều do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và hiện các con của chị đều phát triển tốt về mọi mặt.

Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị Đoàn Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai người con tên là Trịnh Đoàn Gia B

và Trịnh Đoàn Gia H cho đến khi thành niên là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng:

Chị H không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này là phù hợp.

[6] Về tài sản chung, nợ chung:

Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên Tòa án không xem xét là phù hợp.

[7] Về án phí:

Chị Đoàn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 146, 147, 203; điểm b khoản 2 Điều 227; các Điều 228, 262, 273 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị Thanh H.

Chị Đoàn Thị Thanh H ly hôn anh Trịnh Xuân T.

2. Về con chung:

Giao cho chị Đoàn Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con tên là Trịnh Đoàn Gia B, sinh ngày 26/9/2013 và Trịnh Đoàn Gia H, sinh ngày 01/10/2016 cho đến khi thành niên.

Anh Trịnh Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi các con, nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Đoàn Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0013430 ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Thuận, chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày truyên án (14/11/2019). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. *(Đã giải thích quyền kháng cáo)*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ – án văn.

Nguyễn Văn Hiệp